

Bản án số: 23/2020/DS-ST

Ngày: 17 - 4 - 2020

Về việc: Tranh chấp về đòi tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Sa,

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

2. Bà Vũ Thị Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Tánh – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong ngày 17 tháng 4 năm 2020, tại Phòng xử án dân sự trụ sở Tòa án nhân dân Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 564/2018/TLST-DS ngày 04/12/2018, về việc: “Tranh chấp về đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2020/QĐST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Bích T – sinh năm 1956.

Địa chỉ: 467/31G Đường L, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Trung D – sinh năm 1967 (theo giấy ủy quyền có số công chứng 00180, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 03/01/2019 tại Phòng công chứng số B) (có mặt).

HKTT: Khu phố 5, xã B, huyện H, tỉnh K.

Địa chỉ: 459/14/4 Đường C, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần Dược phẩm O.

Địa chỉ: 1017 Đường H, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Văn T – sinh năm 1970, bà Huỳnh Thị T – sinh năm 1990 và bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1989 (theo giấy ủy quyền số 282/GUQ-OPC ngày 16/4/2020) (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Nguyễn Trọng N – sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: 66/19/3 Đường T, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2018 của bà Trần Bích T trình bày: Ngày 27/02/2017 bà T chuyển số tiền 1.983.000.000 đồng vào tài khoản số 1606205002474 Ngân hàng A (sau đây viết tắt là Ngân hàng A) cho ông Lê Trung D, nhưng chuyển nhầm vào tài khoản số 1605201013995 (Ngân hàng A) của Công ty Cổ phần Dược phẩm O.

Đến ngày 03/01/2019 bà Trần Bích T có tờ tường trình và cam kết, cùng các lời khai của bà Trần Bích T và ông Lê Trung D là người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Bích T xác định không phải chuyển nhầm như đơn khởi kiện đã nêu, mà thực tế là: Bà T chuyển số tiền 1.983.000.000 đồng vào tài khoản Công ty Cổ phần Dược phẩm O, do ông Phạm Nguyễn Trọng N là nhân viên của Công ty Cổ phần Dược phẩm O có mượn của bà T số tiền 1.983.000.000 đồng. Bà T yêu cầu ông N đưa số tài khoản cho bà T để bà T chuyển tiền vào tài khoản thay cho giấy vay tiền. Trong ngày 27/02/2017 ông N đưa cho bà T số tài khoản là 1605201013995 Ngân hàng A – Chi nhánh 3 (địa chỉ: Số 112 Đường T, Phường B, Quận B), và bà T đã chuyển vào tài khoản này số tiền 1.983.000.000 đồng. Sau đó bà T có gặp ông N và yêu cầu trả khoản tiền nợ này nhưng ông N nói ông N không nhận được khoản tiền mà bà T đã chuyển vào ngày 27/02/2017. Sau này bà T mới biết số tài khoản mà ông N cung cấp là của Công ty Cổ phần Dược phẩm O.

Ngày 09/10/2018 bà T có gửi Thông báo đòi tài sản yêu cầu Công ty Cổ phần Dược phẩm O trả lại tài sản cho bà trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Công ty Cổ phần Dược phẩm O có gọi điện mời bà T đến để làm việc nhưng vì không có giấy mời nên bà T không đến.

Bà T khẳng định không có giao dịch với Công ty Cổ phần Dược phẩm O. Vì vậy bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Công ty Cổ phần Dược phẩm O trả lại cho bà số tiền 1.983.000.000 đồng mà bà T đã chuyển vào ngày 27/02/2017 theo số tài khoản mà ông N đã cung cấp.

- Ông Lê Trung D trình bày ý kiến đối với tài liệu do bị đơn cung cấp như sau: Theo đơn trình bày đề ngày 11/01/2019 của ông Phạm Nguyễn Trọng N trình bày: "... đến ngày 20/3/2017 tôi đã trả hết số tiền bà Trần Bích T đã chuyển khoản theo thỏa thuận giữa tôi và bà Trần Bích T 1.983.000.000 VNĐ", đồng thời tại bản khai đề ngày 22/01/2019 của Công ty Cổ phần Dược phẩm O do ông Nguyễn Văn T đại diện theo ủy quyền khai: "Qua đơn trình bày Ông N cũng nêu rõ đã thanh toán hết số tiền là gốc là 1.983.000.000 VNĐ cho bà T". Như vậy, ông N không thừa nhận nợ của bà T số tiền 1.983.000.000 đồng. Theo bảng kê nộp tiền của trình dược viên đề ngày

27/02/2017 chỉ có xác nhận của ông Phạm Nguyễn Trọng N, không có xác nhận của bà T, cho thấy giữa bà T và Công ty Cổ phần Dược phẩm O không có giao dịch gì liên quan đến số tiền 1.983.000.000 đồng được nêu trong bảng kê. Tại bản tự khai đề ngày 22/10/2019 đại diện Công ty Cổ phần Dược phẩm O có trình bày: “Bà Nguyễn Thị M chủ nhà thuốc 61 cũng đã xác nhận vào biên bản đối chiếu công nợ giữa Chi nhánh và Nhà thuốc”. Như vậy trách nhiệm thanh toán tiền thuốc 1.983.000.000 đồng là của bà M liên đới với Công ty Cổ phần Dược phẩm O, không liên quan gì đến bà T nên yêu cầu Công ty Cổ phần Dược phẩm O trả lại số tiền 1.983.000.000 đồng này cho bà T.

- Bị đơn Công ty Cổ phần Dược phẩm O có ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Trong năm 2017, Công ty Cổ phần Dược phẩm O – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh có giao dịch bán hàng cho nhà thuốc số 61 tại địa chỉ ấp 5, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Nguyễn Thị M làm chủ. Khách hàng này được phân công cho ông Phạm Nguyễn Trọng N – trình dược viên phụ trách bán hàng, giao dịch, thu hồi công nợ và chăm sóc khách hàng.

Đến thời điểm ngày 06/02/2017, nhà thuốc số 61 còn nợ Công ty Cổ phần Dược phẩm O – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh số tiền là 2.192.578.272 đồng. Do số tiền nhà thuốc nợ công ty đã nhiều nên Công ty Cổ phần Dược phẩm O có thông báo cho ông Phạm Nguyễn Trọng N và bà M là Công ty Cổ phần Dược phẩm O sẽ ngưng giao dịch với nhà thuốc cho đến khi nhà thuốc hoàn thành nghĩa vụ thanh toán tiền hàng cho Công ty Cổ phần Dược phẩm O. Ngày 17/02/2017 ông N viết giấy cam kết đến ngày 24/02/2017 sẽ trả hết nợ và xin bảo lãnh các khoản nợ của khách hàng này. Tuy nhiên đến thời hạn cam kết ông N vẫn không thực hiện. Sau đó nhiều lần ông N và bà M cũng liên hệ với Công ty Cổ phần Dược phẩm O – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh hứa sẽ trả tiền và đề nghị được ký hợp đồng mua hàng tiếp của Công ty Cổ phần Dược phẩm O.

Ngày 26/02/2017, ông N gọi điện thoại cho kế toán công nợ của Công ty Cổ phần Dược phẩm O thông báo nhà thuốc số 61 sẽ chuyển khoản thanh toán trước số tiền 1.983.000.000 đồng và nhờ theo dõi tiền về Ngân hàng.

Ngày 27/02/2017, Công ty Cổ phần Dược phẩm O đã nhận được số tiền 1.983.000.000 đồng với nội dung thanh toán tiền thuốc. Sau khi nhận được số tiền trên, Công ty Cổ phần Dược phẩm O đã liên lạc với ông N để đối chiếu công nợ. Lúc này ông N khẳng định có vay của bà Trần Bích T số tiền 1.983.000.000 đồng để chuyển khoản thanh toán tiền thuốc cho nhà thuốc số 61, ông N có ký xác nhận tại bảng kê nộp tiền đề ngày 27/02/2017. Trên cơ sở đối chiếu công nợ Công ty Cổ phần Dược phẩm O đã ghi nhận và giảm trừ công nợ cho Nhà thuốc số 61.

Ngày 13/4/2017, Công ty Cổ phần Dược phẩm O đã gửi bảng đối chiếu công nợ Quý I/2017 cho nhà thuốc số 61, trong đó thể hiện rõ các hóa đơn bán

hàng, tiền hàng mua và tiền đã thanh toán. Cụ thể nhà thuốc số 61 mua tổng hàng trong quý I/2017 là 6.854.537.088 đồng, trong đó đã thanh toán 5.744.898.688 đồng. Bà Nguyễn Thị M chủ nhà thuốc số 61 cũng đã ký vào biên bản đối chiếu công nợ.

Ngày 10/10/2018, Công ty Cổ phần Dược phẩm O có nhận được thông báo đòi lại tài sản của bà Trần Bích T. Sau khi nhận được thông báo Công ty Cổ phần Dược phẩm O cũng đã gọi điện liên hệ với bà T để làm rõ sự việc. Tuy nhiên đến hẹn bà T không có mặt, Công ty Cổ phần Dược phẩm O có gọi điện cho bà T nhưng bà T không nghe máy.

Ngày 10/10/2018, Công ty Cổ phần Dược phẩm O có gọi điện cho ông Nhân để làm rõ số tiền trong thông báo bà T gửi cho Công ty Cổ phần Dược phẩm O. Qua trao đổi ông N có làm đơn trình bày đề ngày 11/01/2019 xác nhận số tiền 1.983.000.000 đồng mà bà T chuyển cho Công ty là ông N vay của bà T để trả tiền mua hàng của Nhà thuốc số 61 cho Công ty Cổ phần Dược phẩm O.

Nay Công ty xác định số tiền 1.983.000.000 đồng mà bà T chuyển cho Công ty vào ngày 27/02/2017 là để thanh toán tiền hàng mà nhà thuốc số 61 mua của Công ty Cổ phần Dược phẩm O theo thỏa thuận vay mượn của ông N và bà T. Vì vậy Công ty không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, số tiền này là khoản vay mượn giữa ông Phạm Nguyễn Trọng N với bà Trần Bích T. Việc bà T cho rằng ban đầu không biết là chuyển tiền vào tài khoản của Công ty là không đúng vì khi chuyển tiền trên phiếu chuyển tiền của Ngân hàng có ghi tên chủ tài khoản.

Qua ý kiến trình bày của ông D, Công ty O xác định tại đơn trình bày đề ngày 11/01/2019 của ông Phạm Nguyễn Trọng N là có quan hệ vay mượn với bà T và đã trả xong cho bà T số tiền 1.983.000.000 đồng nên tại bản tự khai đề ngày 22/01/2019, Công ty có nêu về việc này. Về bảng kê nộp tiền của TDV đề ngày 27/02/2017 chỉ có xác nhận của ông Phạm Nguyễn Trọng N vì đó là trách nhiệm của ông N thu tiền của nhà thuốc 61 và giao lại cho Công ty, còn nguồn tiền mà ông N thanh toán tiền thuốc cho Công ty từ đâu là do ông N quyết định. Khi ông N thông báo đã chuyển số tiền 1.983.000.000 đồng thì Công ty kiểm tra có số tiền chuyển khoản từ bà T nên yêu cầu ông N xác nhận lại trên bảng kê nộp tiền của trình dược viên đề ngày 27/02/2017. Công ty có cơ sở là số tiền chuyển khoản đã chính xác với bản đối chiếu công nợ quý I năm 2017 giữa nhà thuốc 61 và Công ty O.

- Ông Phạm Nguyễn Trọng N không làm bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như vắng mặt tại phiên tòa và không có văn bản nêu ý kiến.

* Tại phiên tòa:

- Ông Lê Trung D đại diện bà Trần Bích T vẫn giữ ý kiến đã trình bày như trên. Ông D xác định bà T vẫn giữ yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu

Công ty Cổ phần Dược phẩm O trả lại cho bà T số tiền 1.983.000.000 đồng mà bà T đã chuyển vào tài khoản 1605201013995 Ngân hàng A vào ngày 27/02/2017, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Vì đây là số tiền hợp pháp của bà T và bà T không có giao dịch gì với Công ty O, nên không có trách nhiệm phải trả tiền cho công ty. Khi nhận tiền của bà T, phía công ty đã không xác nhận lại với bà T, trong khi bà M là người mua hàng mới có trách nhiệm trả tiền thuốc cho công ty, nên đề nghị Công ty O cung cấp chứng cứ chứng minh số tiền bà T chuyển cho công ty vào ngày 27/2/2017 là tiền của bà M trả tiền thuốc cho Công ty O. Ngoài ra, theo Công ty O thì ông Phạm Nguyễn Trọng N có trách nhiệm trả tiền thuốc cho công ty, nhưng bà T không bảo lãnh nợ hay nhận nợ cho ông N, nên không phải có trách nhiệm trả tiền thay cho ông N.

- Bà Nguyễn Thị H đại diện Công ty Cổ phần Dược phẩm O trình bày ý kiến như ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị T đã trình bày như trên. Bà H xác định Công ty O không đồng ý với yêu cầu của bà Trần Bích T, vì số tiền 1.983.000.000 đồng mà bà T đã chuyển vào tài khoản 1605201013995 Ngân hàng A cho Công ty O vào ngày 27/02/2017, là tiền ông Phạm Nguyễn Trọng N vay của bà T để trả tiền thuốc mà nhà thuốc số 61 (do bà Nguyễn Thị M làm chủ) mua của Công ty O. Công ty O không đồng ý với đề nghị của ông D về việc chứng minh tiền bà T chuyển khoản là tiền của bà M, vì công ty không có nghĩa vụ xác nhận mối quan hệ giữa bà T và ông N hay bà M. Ông N là trình dược viên của công ty, có trách nhiệm thu tiền mua thuốc của các nhà thuốc do ông N phụ trách. Khi ông N thông báo đã chuyển tiền thanh toán tiền thuốc của nhà thuốc số 61 mua thì công ty sẽ xác nhận và làm việc với ông N, cũng như đối chiếu công nợ với bà M là chủ nhà thuốc 61, mà không có nghĩa vụ xác nhận với bà T. Theo nội dung giấy nộp tiền đề ngày 27/02/2017 thể hiện bà T đã tự nguyện chuyển 1.983.000.000 đồng vào tài khoản 1605201013995 Ngân hàng A cho Công ty O để thanh toán tiền thuốc. Đồng thời, bà T đã khai tại bản tự khai về việc cho ông N vay số tiền 1.983.000.000 đồng này, ông N cũng xác nhận vay của bà T 1.983.000.000 đồng để thanh toán cho công ty tiền thuốc mà nhà thuốc 61 đã mua, nên đây là giao dịch của bà T và ông N.

Ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị T đại diện Công ty Cổ phần Dược phẩm O thống nhất với ý kiến trình bày của bà Nguyễn Thị H.

Ông Võ Văn Tánh – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Bích T về việc buộc Công ty Cổ phần Dược phẩm O trả cho bà T số tiền 1.983.000.000 đồng mà bà Thủy đã chuyển vào tài khoản 1605201013995 Ngân hàng A vào ngày 27/02/2017, do không có cơ sở chấp nhận. Án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm định tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, cùng ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng:

Ngày 26/10/2018 bà Trần Bích T nộp đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2018 yêu cầu Công ty Cổ phần Dược phẩm O (địa chỉ: 1017 Đường H, Phường M, Quận S) trả 1.983.000.000 đồng mà bà T chuyển khoản vào ngày 27/02/2017. Do đó đây là vụ án “Tranh chấp về đòi tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận S theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Phạm Nguyễn Trọng N theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông Phạm Nguyễn Trọng N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không đến dự phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Phạm Nguyễn Trọng N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ngày 29/11/2019 đại diện theo ủy quyền của Công ty O yêu cầu triệu tập bà Nguyễn Thị M tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng. Đến ngày 07/01/2020 đại diện theo ủy quyền của Công ty O không yêu cầu triệu tập bà Nguyễn Thị M. Do đó, Tòa án đã không tiếp tục triệu tập bà Nguyễn Thị M tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng.

[2]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

Qua trình bày của bà T tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết cho thấy lời khai của bà T tại đơn khởi kiện về việc chuyển tiền nhằm tài khoản của Công ty O là không trung thực. Ngoài ra, bà Trần Bích T và ông Lê Trung D đại diện bà T có trình bày: Ngày 27/02/2017 bà T có cho ông Phạm Nguyễn Trọng N mượn số tiền 1.983.000.000 đồng và thống nhất chuyển vào tài khoản số 1605201013995, sau này bà T mới biết là tài khoản của Công ty Cổ phần Dược phẩm O, nên ngày 09/10/2018 bà T có thông báo đòi công ty trả lại số tiền nêu trên, vì cho rằng số tiền trên là tiền hợp pháp của bà T, đồng thời giữa bà T và Công ty O không có giao dịch với nhau.

Tuy nhiên, căn cứ giấy nộp tiền đề ngày 27/02/2017 và chứng từ giao dịch đề ngày 27/02/2017, có chữ ký của bà Trần Bích T đã thể hiện người nộp tiền là bà Trần Bích T, người nhận tiền là Công ty Cổ phần Dược phẩm O - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, số tài khoản 1605201013995, số tiền chuyển khoản 1.983.000.000 đồng, nội dung thanh toán tiền thuốc. Cho thấy lời trình bày của bà T cho rằng sau này mới biết là tài khoản của Công ty O, là

không có căn cứ. Mà bà T chuyển số tiền 1.983.000.000 đồng vào tài khoản 1605201013995 (Ngân hàng A) cho Công ty cổ phần dược phẩm O - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh để thanh toán tiền thuốc, là hoàn toàn tự nguyện.

Tại bản tự khai đề ngày 03/01/2019 của bà Trần Bích T cùng lời khai của ông Lê Trung D trong quá trình giải quyết điều thừa nhận việc chuyển số tiền 1.983.000.000 đồng vào tài khoản 1605201013995 (Ngân hàng A) là do bà T cho ông Phạm Nguyễn Trọng N mượn tiền vào ngày 27/02/2017. Theo đơn tường trình đề ngày 11/01/2019 của ông Phạm Nguyễn Trọng N gửi Công ty Cổ phần Dược phẩm O, xác định ông N có hợp tác với bà Trần Bích T và thỏa thuận bà T chuyển số tiền 1.983.000.000 đồng cho Công ty O để thanh toán tiền thuốc mà nhà thuốc số 61 đã mua. Phía Công ty O xác định số tiền 1.983.000.000 đồng mà bà T chuyển khoản vào ngày 27/02/2017 là để thanh toán tiền thuốc mà nhà thuốc số 61 đã mua, có thể hiện trên xác nhận của ông Phạm Nguyễn Trọng N tại bản kê nộp tiền, các hóa đơn đã xuất cho nhà thuốc số 61 và xác nhận của bà Nguyễn Thị M tại bản đối chiếu công nợ.

Như vậy, việc bà T chuyển số tiền 1.983.000.000 đồng vào tài khoản 1605201013995 (Ngân hàng A) cho Công ty O để thanh toán tiền thuốc là nội dung của hợp đồng giữa bà T và ông N, không phụ thuộc vào việc ông N không thừa nhận nợ của bà T 1.983.000.000 đồng. Còn việc số tiền vừa nêu thanh toán cho tiền mua thuốc như thế nào là nội dung hợp đồng giữa Công ty O và ông Phạm Nguyễn Trọng N, nên không phải có sự xác nhận của bà T.

Căn cứ Điều 398 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì số tiền 1.983.000.000 đồng mà bà T chuyển vào tài khoản 1605201013995 (Ngân hàng A) ngày 27/02/2017 cho Công ty O, là đối tượng của hợp đồng giữa bà T và ông N; việc bà T chuyển số tiền này cho Công ty O để thanh toán tiền thuốc là phương thức thực hiện hợp đồng giữa bà T và ông N. Do đó, căn cứ Điều 275 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì các nghĩa vụ có liên quan đến số tiền 1.983.000.000 đồng mà bà T chuyển vào tài khoản 1605201013995 (Ngân hàng A) ngày 27/02/2017 cho Công ty O, nếu có phát sinh sẽ do ông N thực hiện đối với bà T theo thỏa thuận của hợp đồng đã giao kết, mà không làm phát sinh nghĩa vụ của Công ty O đối với bà Trần Bích T.

Từ những nhận định trên cho thấy yêu cầu của bà Trần Bích T về việc buộc Công ty Cổ phần Dược phẩm O trả số tiền 1.983.000.000 đồng mà bà T chuyển vào tài khoản 1605201013995 (Ngân hàng A) ngày 27/02/2017, là không có cơ sở, nên không được chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Bà Trần Bích T không được chấp nhận toàn bộ yêu cầu, nhưng bà T 64 tuổi là người cao tuổi (theo quy định của Điều 2 Luật Người cao tuổi) và ông Lê Trung D đại diện theo ủy quyền của bà Trần Bích T có yêu cầu được miễn nộp

tiền án phí cho bà T, là thuộc trường hợp được quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, nên bà T được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 275, Điều 398 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Bích T về việc yêu cầu Công ty Cổ phần Dược phẩm O trả 1.983.000.000 (một tỷ chín trăm tám mươi ba triệu) đồng mà bà T chuyển vào tài khoản của Công ty cổ phần dược phẩm O số 1605201013995 Ngân hàng A vào ngày 27/02/2017, theo giấy nộp tiền đề ngày 27/02/2017 và chứng từ giao dịch đề ngày 27/02/2017.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Bích T được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Bích T, Công ty Cổ phần Dược phẩm O có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm Nguyễn Trọng N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận S;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Kim Sa